

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều

Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.¹

¹ Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;”

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều đi với công trình đê điều.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

Điều 3. Quy trình lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

1. Căn cứ lập kế hoạch:

- a) Sự cấp thiết phải duy tu, sửa chữa để đảm bảo an toàn cho đê, chống xuống cấp, đáp ứng yêu cầu phòng, chống lũ lụt, bão;
- b) Hiện trạng đê điều, mức độ hư hỏng, xung cấp;
- c) Yêu cầu, nhiệm vụ công tác quản lý đê điều;
- d) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường² tổ chức lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều trước ngày 15/6 hàng năm, gửi Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai để kiểm tra, tổng hợp.

Thành phần hồ sơ kế hoạch bao gồm:

- a) Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường³, kèm theo Bảng tổng hợp kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Báo cáo kế hoạch bao gồm: Thuyết minh đánh giá hiện trạng đê điều (kèm theo hình ảnh nếu có), sự cần thiết thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều, đề xuất (dự kiến) giải pháp kỹ thuật, sơ bộ khối lượng thực hiện chính và kinh phí thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều của từng hạng mục, tuyến đê; Bản vẽ mặt cắt đại diện.

3. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai:

- a) Tổ chức lập nội dung nhiệm vụ, kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê điều do Cục tổ chức thực hiện;

² Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

³ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

b) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều, bao gồm: nội dung kế hoạch của các địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁴ trước ngày 05/7 để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Quy trình thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

1. Căn cứ tổng kinh phí chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều do Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵ phân bổ, hiện trạng đê điều và đặc thù của từng địa phương, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai phê duyệt kinh phí, bao gồm:

a) Kinh phí cho kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều của các địa phương do Sở Nông nghiệp và Môi trường⁶ thực hiện;

b) Tổng kinh phí xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều;

c) Kinh phí cho các nội dung duy tu, bảo dưỡng đê điều do Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức thực hiện.

2. Căn cứ vào kinh phí được phê duyệt, hiện trạng đê điều, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá, định mức và các quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường⁷ tổ chức lập dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật (đối với các nội dung có cấu phần xây dựng) hoặc lập đề cương - dự toán (đối với các nội dung không có cấu phần xây dựng), trình Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thẩm định, phê duyệt.

Sau khi dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc đề cương - dự toán được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường⁸ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Cục

⁴ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

⁵ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

⁶ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

⁷ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

⁸ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai phê duyệt và tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu.

3. Đối với nội dung Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức thực hiện: Căn cứ vào kinh phí được phê duyệt, yêu cầu, nhiệm vụ công tác quản lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá, định mức và các quy định hiện hành, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt đề cương - dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện.

Điều 5. Xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đề điều từ nguồn ngân sách trung ương

1. Quy trình xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đề điều từ nguồn ngân sách trung ương

a) Khi phát hiện sự cố đề điều, cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đề điều trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường⁹ kiểm tra cụ thể vị trí xảy ra sự cố và báo cáo bằng văn bản, đề xuất giải pháp xử lý;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường¹⁰ thông tổ chức kiểm tra sự cố, báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn đề điều và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹¹ qua Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai kiểm tra thực địa và có ý kiến bằng văn bản về chủ trương xử lý và nguồn kinh phí xử lý sự cố;

d) Sau khi có ý kiến bằng văn bản của Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai về chủ trương và nguồn kinh phí xử lý sự cố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường¹² tổ chức lập phương án (dự án) xử lý khẩn cấp (cấp bách) trình Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai

⁹ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

¹⁰ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

¹¹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

¹² Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

thẩm định, phê duyệt đề tổ chức thực hiện. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường¹³ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều để tổ chức xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

Việc tổ chức thực hiện dự án khẩn cấp (cấp bách) xử lý sự cố đê điều được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

3. Trường hợp phát hiện sự cố đê điều trong khi đang có bão, lũ phải sửa chữa ngay để bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, Sở Nông nghiệp và Môi trường¹⁴ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai các biện pháp ứng cứu kịp thời, sau đó hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai xét duyệt.

Điều 6. Kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều từ nguồn ngân sách địa phương

Việc lập, thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành¹⁵

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp

¹³ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

¹⁴ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

¹⁵ Điều 29 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.”

dụng các Điều, khoản, điểm tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁶ để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ NN&MT: Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế;
- Lưu VT, ĐĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

¹⁶ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Phụ lục I**BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH DUY TU, BẢO DƯỠNG ĐÊ ĐIỀU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2023/TT-BNNPTNT
ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Hạng mục/ Tuyến đê	Vị trí	Địa danh (đặc khu/ phường/ xã...) ¹⁷	Giải pháp kỹ thuật	Khối lượng chính				Kinh phí (1.000 đồng)
TỔNG CỘNG									

¹⁷ Cụm từ “thành phố/huyện” được thay thế bởi cụm từ “đặc khu/phường/xã” theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Phụ lục II

THÀNH PHẦN HỒ SƠ BÁO CÁO SỰ CỐ ĐÊ ĐIỀU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2023/TT-BNNPTNT
ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

1. Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁸ (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai) về việc đề nghị xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố từ nguồn kinh phí xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều do Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁹ quản lý.

2. Văn bản báo cáo tình hình sự cố, đề xuất phương án xử lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường²⁰ và cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường²¹.

3. Thuyết minh về sự cố và đề xuất, kiến nghị:

- Đánh giá hiện trạng đê điều khu vực sự cố.
- Diễn biến sự cố gồm các nội dung: thời điểm phát hiện, xảy ra sự cố; mô tả sự cố (loại sự cố, vị trí, cấp đê, quy mô, kích thước, hiện trạng khu vực, ...); diễn biến sự cố (bao gồm cả hình ảnh), đánh giá sơ bộ nguyên nhân; công tác chỉ đạo; biện pháp xử lý (giờ đầu và tiếp theo); kết quả xử lý giờ đầu.
- Đề xuất giải pháp xử lý sự cố (thể hiện trên bản vẽ mặt cắt ngang đại diện).
- Dự kiến khối lượng chủ yếu và kinh phí thực hiện.
- Kiến nghị.

¹⁸ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

²¹ Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Phụ lục III**THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN (DỰ ÁN) XỬ LÝ KHẨN CẤP
(CẤP BÁCH) SỰ CỐ ĐÊ ĐIỀU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT
ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án (dự án) của Sở Nông nghiệp và Môi trường²² gửi Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.
2. Văn bản về chủ trương và nguồn vốn xử lý sự cố của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.
3. Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cam kết bố trí nguồn vốn địa phương (nếu có).
4. Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh phương án (dự án); thiết kế (gồm bản vẽ và thuyết minh thiết kế); danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
5. Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập dự toán, chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (nếu có).
6. Tổng kinh phí; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng kinh phí; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).
7. Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

²² Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.